

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

GIỚI TÍNH TRONG SỬ DỤNG NGÔN NGỮ (qua cứ liệu tiếng Anh)

PHẠM TỐ HOA
(ThS, Viện Đại học Mở Hà Nội)

Hiện nay khi tiếng Anh ngày càng trở nên phổ biến và trở thành một trong các môn học chính trong nhà trường ở Việt Nam thì những hiểu biết về sự khác biệt giới trong sử dụng ngôn ngữ giao tiếp ở cộng đồng bản ngữ nói tiếng Anh là điều cần thiết đối với giáo viên dạy tiếng Anh. Đặc biệt là đối với giáo viên ở bậc đại học thì những kiến thức văn hoá này thực sự hữu ích cho việc lựa chọn và truyền đạt ngôn ngữ phù hợp tới sinh viên. Qua đó có thể giúp cho sinh viên hiểu phần nào về văn hoá ứng xử trong giao tiếp ngôn ngữ giữa hai giới. Chẳng hạn như loại ngôn ngữ nào nam và nữ dùng khi giao tiếp và nó có ý nghĩa thế nào, hoặc là khi chuyện trò thì họ nói khác nhau ra sao.

Chính vì vậy mà tác giả bài viết này mong muốn được chia sẻ đôi điều về những sự khác biệt trong sử dụng ngôn ngữ giao tiếp giữa phụ nữ và nam giới qua hai phần: phần thứ nhất đề cập đến sự nhìn nhận và sử dụng các chức năng ngôn ngữ giao tiếp của hai giới, phần sau đưa ra lí giải cho sự khác biệt đó từ góc độ ảnh hưởng của các nhân tố xã hội và văn hoá.

1. Sự khác biệt giới trong việc hiểu và sử dụng chức năng của ngôn ngữ

Nữ học giả Holmes (1995) cho rằng phụ nữ thường thiết lập và phát triển các mối quan hệ cá nhân thông qua việc giao tiếp ngôn ngữ, trong khi nam giới lại coi đó là công cụ để trao đổi thông tin. Do đó, việc nhận biết những loại từ ngữ phù hợp cho việc giao tiếp trong các ngữ cảnh khác nhau thì đương nhiên là không giống

nhau. Điều này được thể hiện ở ba khía cạnh sau.

1.1. Ưu thế trong các chủ đề giao tiếp

Theo một số các học giả như Klann và Delius (1987) thì trong khi truyện trò, nam giới thường giảm bớt các chủ đề mà phụ nữ muốn nêu ra.

Trong một số ngữ cảnh trang trọng, chẳng hạn như trong các cuộc họp, nam giới thường chiếm ưu thế về thời gian phát biểu. Phụ nữ coi đó là sự bất công mang tính bản năng (di truyền) và coi đó là minh chứng về sự thống trị của phái mạnh. Nam giới ý thức rõ ràng rằng lần phát biểu thành công đồng nghĩa với việc nâng cao uy tín và củng cố vị thế của người phát biểu. Để hiểu rõ hơn về vấn đề này, nữ học giả Franken đã nghiên cứu việc trao đổi ý kiến của ba chương trình phỏng vấn trên truyền hình. Kết quả là: nếu có cơ hội để nói, đặc biệt là trước công chúng, thì nhìn chung, phần lớn người nói là nam và họ thường nói dài hơn phụ nữ.

Một nghiên cứu khác của bà Holme cho thấy nam và nữ ở Newzeland nhìn nhận chức năng của ngôn ngữ giao tiếp rất khác nhau. Phái mạnh thường làm chủ các câu chuyện ở những nơi đông người. Họ thường nói nhiều hơn, hỏi nhiều hơn và xen ngang vào các câu chuyện cũng thường xuyên hơn phái yếu. Ngoài ra, họ còn thường tỏ ra không đồng tình với người phát biểu trong các cuộc họp hay hội nghị nhiều hơn nữ giới. Trái lại, phụ nữ thường thể hiện sự đồng tình hoặc ủng hộ người phát biểu hơn là phản đối. Còn ở Mĩ và Anh việc nghiên cứu ý nghĩa xã hội của

giao tiếp giữa hai giới cũng cho kết quả tương tự. Nam nói nhiều hơn nữ ở những nơi mà lời phát biểu được đánh giá cao và có thể thu hút được sự chú ý một cách tích cực.

1.2. Cách nhìn nhận các loại câu hỏi khi giao tiếp

Theo các học giả Treichler và Kramarae, nam giới thường coi các câu hỏi như những yêu cầu để lấy thông tin, trong khi phụ nữ thì lại coi đó như những cách để duy trì và tiếp tục buổi nói chuyện. Bên cạnh đó, phụ nữ coi việc giao tiếp mang tính hợp tác, nhưng nam giới lại coi nó có tính cạnh tranh. Những quan điểm khác biệt trên dường như xuất phát từ cách nhận thức khác nhau về phương thức giao tiếp.

1.3. Cách đáp lại ngắn gọn nhất

Các học giả Maltz và Borker (1982) đã đề cập đến sự khác nhau điển hình trong phong cách và thái độ khi dùng loại ngôn ngữ giao tiếp đặc biệt này giữa hai giới. Những ngôn từ đơn giản nhất như “vâng” (yeah), “ừ” (mm) cũng không được hai phái hiểu giống nhau. Phụ nữ coi cách trả lời này có ý nghĩa là “Tôi vẫn đang nghe đây”, trong khi nam giới thì lại nghĩ đó là sự đồng ý hoặc tán thành. Phụ nữ cho rằng phái mạnh ít khi dùng kiểu trả lời này khi họ không chú ý nghe. Tuy nhiên, nam giới lại thường nhầm lẫn khi cho rằng phụ nữ dùng loại câu trả lời này để bày tỏ sự đồng tình.

Nói tóm lại, người ta vẫn tin là có sự khác biệt về ngôn ngữ giới tính. Do vậy, cách ứng xử thông qua ngôn ngữ của nam và nữ rất khác nhau và tùy thuộc vào hoàn cảnh bởi lẽ họ hiểu về chức năng của ngôn ngữ giao tiếp theo cách khác nhau. Vì vậy, trong phần tiếp theo đây, bài viết sẽ nêu ra hai cách lí giải còn đang gây tranh cãi dựa vào tác động của các nhân tố xã hội và văn hoá.

2. Các lí giải dựa vào ảnh hưởng của các nhân tố xã hội và văn hóa

Người ta vẫn thường đặt ra câu hỏi “Tại sao nam và nữ rất khác nhau trong diễn

ngôn?” Có lẽ sẽ có rất nhiều lí do để giải thích, nhưng theo các học giả Maltz và Borker, Henley và Kramarae (1991) thì việc dựa trên “quyền lực” (power issue) và “văn hóa” (culture issue) để giải thích cho sự khác nhau này xem ra có cơ sở nhất.

2.1. Ảnh hưởng của “quyền lực”

Khi nghiên cứu về ngôn ngữ giới tính, các học giả trên cho rằng xã hội thường đánh giá cách diễn ngôn của phái nam cao hơn. Nhìn lại lịch sử, đẳng mày râu luôn có vị trí cao hơn trong xã hội và chính sự khác biệt trong ngôn ngữ này đã phản ánh ưu thế vượt trội của họ. Nói một cách khác, người ta cho rằng ngôn ngữ giao tiếp của nữ thường có đặc điểm: nhún nhường và mờ nhạt. Vì vậy, trong phần lớn các buổi chuyện trò trao đổi, nam giới thường nổi trội hơn hẳn.

Tuy nhiên, nhà ngôn ngữ học Coates lại đưa ra nhiều bằng chứng cho thấy phụ nữ nhạy cảm hơn trong khi nói và họ thường hay dùng ngôn ngữ chuẩn hơn nam giới. Có lẽ đó là do phụ nữ luôn tự ý thức được địa vị xã hội của mình so với nam giới.

Bàn về “ngôn ngữ của phái yếu” các nhà ngôn ngữ học liên tưởng ngôn ngữ của phụ nữ với quyền lực và vị trí xã hội của họ. Một cuộc khảo sát tại tòa án cho thấy phụ nữ được ít điểm hơn nam giới khi ra tòa làm chứng và vì vậy người ta gọi ý nên dùng thuật ngữ “ngôn ngữ thiếu sức mạnh” thay cho “ngôn ngữ của phái yếu”.

Trên thực tế, ưu thế của nam giới trong ngôn ngữ phản ánh sự thống trị của họ trong xã hội. Một nghiên cứu gần đây ở Mỹ đã đưa ra những bằng chứng về điều này. Hai đoạn băng dài 20 phút được quay ở hai trường trung học của Mỹ cho thấy rằng nhìn chung học sinh nam đóng góp cho bài giảng nhiều hơn nữ khi cả hai giới cùng phát biểu. Giáo viên thường chú ý đến học sinh nam nhiều hơn và hỏi họ cũng nhiều hơn nữ. Xét một cách tổng thể, nam học sinh vẫn chiếm ưu thế và thường thành công hơn nữ sinh trong khi phát biểu xây dựng bài. Tất nhiên cũng phải kể đến vai trò quan trọng của giáo viên trong việc

động viên các học sinh nam để có được những thành công đó. Một nghiên cứu khác được tiến hành tại công sở ở Mỹ cũng đưa ra được kết luận tương tự về sự nổi trội của nam giới trong giao tiếp, mặc dù xét về mặt bằng cấp và khả năng thì hai phái là như nhau. Thực tế là từ khi còn nhỏ, các cô bé, cậu bé đã học được các phương thức giao tiếp rất khác nhau. Khi họ trưởng thành thì những cách thức mà họ lĩnh hội được cũng vẫn luôn song hành với họ. Chính những nghiên cứu trên đây đã giúp chúng ta có ý thức hơn trong việc nhìn nhận sự khác biệt giới này.

Còn một nhân tố không kém phần quan trọng hình thành nên sự khác biệt đó chính là nhân tố văn hoá.

2.2. Ảnh hưởng của “văn hoá”

Có nhiều ý kiến cho rằng sự khác nhau trong diễn ngôn của hai giới bắt nguồn từ nền tảng văn hoá khác nhau. Như đã đề cập ở phần trên, cách nói của nam giới có phần mạnh mẽ và hiều thẳng, trong khi cách diễn đạt của phụ nữ thì mang tính hợp tác và động viên. Điều này được lí giải dựa trên sự khác nhau về phân văn hoá mà họ đã tiếp thu một cách riêng rẽ từ khi còn nhỏ. Kết quả là họ luôn có những chuẩn mực diễn ngôn khác nhau.

Ngoài ra, cách sử dụng ngôn ngữ còn phụ thuộc vào nhân tố xã hội và đặc điểm tính cách. Những điều kiện xã hội như nền giáo dục, phương thức đào tạo đã góp phần quan trọng trong việc hình thành tính cách. Và phong cách trong giao tiếp chính là tấm gương phản ánh nhân cách. Bối cảnh văn hoá, xã hội được dùng để giải thích cho sự khác nhau trong ngôn ngữ giữa hai giới và ngược lại người ta cũng dùng các đặc điểm của ngôn ngữ để phân biệt giới tính.

Nói một cách ngắn gọn, nam và nữ trưởng thành từ các phân văn hoá khác nhau. Họ hiểu các tín ngưỡng và luật lệ khác nhau. Về mặt xã hội, họ luôn được giáo dục để đảm nhận những vai trò, vị trí khác nhau. Do vậy, phong cách trong ứng xử ngôn ngữ là không thể giống nhau. Nếu

nam và nữ hiểu rõ hơn về sự khác biệt, về văn hoá giữa hai giới thì có lẽ sự hiểu lầm tồn tại bấy lâu giữa hai giới có thể ít nhiều được tháo gỡ và có lẽ họ cũng sẽ biết cách nhường nhịn nhau hơn trong ứng xử ngôn ngữ.

Bài viết đã đưa ra một số khác biệt trong việc cảm thụ và sử dụng chức năng ngôn ngữ giao tiếp giữa hai giới ở các nước nói tiếng Anh. Qua đó tác giả cũng đã đề cập đến nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt đó dựa vào các nhân tố văn hoá và xã hội. Bài viết dựa trên các nghiên cứu ở các nước nói tiếng Anh với hi vọng rằng thông tin sẽ cần thiết đối với những ai quan tâm tới văn hoá trong ứng xử ngôn ngữ giữa nam và nữ.

Tài liệu tham khảo

1. Coates, J (1993), *Women, Men and language*. Longman, London.
2. Franken, M (1995), *Talking differences*. SAGE. London.
3. Franken, M (1983), *Interviews' strategies*. Unpubbshed Terms Paper. Wellington: Victoria University.
4. Henley, N.M (1983), *Language, sender and society*. Rowby, Mass: Newbury House.
5. Holmes, J (1995), *Women, Men and politeness*. Longman. London.
6. Klann-Delius, G (1987), *Sex and language*. De Gruyter, Berlin.
7. Kramarae, C (1981), *Women and men speaking*. Rowley, MA, Newbury House.
8. Maltz, D. N & R. A. Borker (1982), *A cultural aproache to male - female miscommunication*. Cambridge University Press, Cambridge.
9. Treichler, P. & Kramarae, C. (1983), *Women's talk in the Ivory Tower*. Communication Quaterly, 31.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 21-08-2008)